

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày: 27/5/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Phước Cường;
- Ông Nguyễn Văn Bằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 09/TB-TA ngày 20/5/2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thúy V, sinh năm 1961; địa chỉ: số A, tổ C, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.

Có bà Phan Thị Hồng X, sinh năm 1997; địa chỉ ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/12/2023.

Bị đơn: Ông Trần Quốc K, sinh năm 1966 và bà Mai Thị L, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: tổ B, khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà X, ông K và bà L có mặt tại phiên tòa

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thúy V trình bày: Bà V có tham gia hội do ông K, bà L làm chủ. Dây hội 1.000.000 đồng/tuần, gồm 53 phần, hội mở ngày 13/3 Âm/2023, không nhớ ngày kết thúc, bà tham gia 02 phần. Hội khai đến lần thứ 27 thì ngưng, còn lại 26 lần. Bà V góp hội được 27 lần x 1.000.000 đồng/phần x 2

phần = 54.000.000 đồng (gồm vốn gốc đóng hội và tiền lãi) (không xác định vốn gốc đóng hội đã đóng là bao nhiêu).

Bà V yêu cầu ông K, bà L liên đới trả lại số tiền vốn gốc và lãi hội đã đóng là 54.000.000 (năm mươi bốn triệu) đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: danh sách hội (bản photo).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quốc K và bà Mai Thị L trình bày: xác định vợ chồng K, L có làm chủ dây hội 1.000.000 đồng/tuần mà bà Phan Thị Thúy v tham gia 01 phần. Hội khai đến lần thứ 27 thì ngưng, mỗi lần khai hội bà V đóng bao nhiêu tôi không nhớ nhưng khi ngưng mở hội thì có thống nhất mỗi lần đóng hội là 700.000 đồng. Bà V đã đóng được 27 lần x 700.000 đồng/phần x 02 phần = 37.800.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

Vợ chồng chúng tôi (K, L) đồng ý trả lại cho bà V số tiền 37.800.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa,

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Trần Quốc K, bà Mai Thị L đồng ý xác định số vốn gốc hội đã đóng tính trên mỗi phần là 700.000 đồng/phần, bà V tham gia 02 phần và đã đóng 27 lần thì ngưng; xác định tính lãi suất chậm trả với mức lãi suất 20%/năm từ khi ngưng tháng 10/2023 cho đến khi xét xử xong; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần vốn gốc hội và tiền lãi.

- Bị đơn ông Trần Quốc K, bà Mai Thị L đồng ý trả số tiền vốn gốc hội và tiền lãi với mức 20%/năm từ khi ngưng tháng 10/2023 cho đến khi xét xử xong như yêu cầu của nguyên đơn, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà V khởi kiện yêu cầu ông K, bà L trả bà số tiền hội đã đóng với giá 700.000 đồng/phần, tổng số tiền 37.800.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ tháng 10/2023 âm lịch (thời gian ngưng góp hội) đến nay. Bị đơn ông K, bà L thừa nhận có làm chủ dây hội mà bà V tham gia, vi phạm nghĩa vụ chủ hội (ngưng mở hội) từ tháng 10/2023 âm lịch đến nay, đồng ý trả số tiền hội đã đóng và lãi suất theo yêu cầu của bà V. Xét thấy, giao dịch dân sự góp hội giữa bà V với ông K, bà L được giao kết trên tinh thần tự

nguyên, do ông K, bà L vi phạm nghĩa vụ, điều đó làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bà V. Cho nên, bà V khởi kiện yêu cầu ông K, bà L trả số tiền hội đã đóng và lãi suất là có căn cứ.

Đối với việc ông K, bà L xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ do hoàn cảnh khó khăn không được bà V đồng ý nên không đặt ra xem xét.

Đề nghị căn cứ Điều 471 BLDS năm 2015; các Điều 18, 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, về họ, hội, biểu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Thúy V khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc K, bà Mai Thị L trả nợ hội. Ông K, bà L đang cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn bà Phan Thị Thúy V và bị đơn ông Trần Quốc K và bà Mai Thị L đồng thống nhất bà V có tham gia 02 phần hội trong dây hội 1.000.000 đồng/tuần (dây hội 53 phần) do ông K, bà L làm chủ (trên sổ hội ghi tên ông K). Thời điểm ngưng hội là tháng 10 Âm/2023, ông K và bà L nợ bà V số tiền hội đã đóng.

Giao dịch dân sự về hội giữa bà Phan Thị Thúy V và ông Trần Quốc K, bà Mai Thị L được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên khi tham gia góp họ, hội.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về vốn gốc hội: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông K, bà L đồng thống nhất mỗi phần góp hội là 700.000 đồng, bà V tham gia 02 phần, đóng hội được 27 lần thì ngưng nên vốn gốc hội được xác định $700.000 \text{ đồng/phần} \times 27 \text{ lần} \times 2 \text{ phần} = 37.800.000$ (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng (1).

- Về tiền lãi: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông K, bà L đồng thống nhất tính lãi chậm trả với mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền vốn gốc hội và thời gian ngưng mở hội là tháng 10 Âm/2023 nên tiền lãi được tính như sau:

$37.800.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 06 \text{ tháng (từ tháng 10 Âm/2023 đến tháng 4 Âm/2024)} = 3.780.000 \text{ đồng (2)}.$

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 54.000.000 đồng bao gồm vốn gốc hụi và lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn thống nhất số tiền vốn hụi 700.000 đồng/phần, nên thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bị đơn trả vốn hụi với số tiền là 37.800.000 đồng và tiền lãi 20%/năm tính từ khi ngưng mở hụi tháng 10 Âm/2023 đến nay là 3.780.000 đồng. Xét, yêu cầu trả nợ của nguyên đơn có sự thay đổi nhưng yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về trách nhiệm trả nợ: Trên sổ hụi ghi tên ông K là chủ hụi. Tuy nhiên, ông K và bà L xác định K, L làm chủ hụi dây hụi mà bà V tham gia nên việc bà V yêu cầu ông K, bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền góp hụi là có căn cứ. Ông K, bà L là chủ hụi, đã nhận đủ tiền hụi do bà V đóng nhưng vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi thì phải có trách nhiệm trả vốn gốc hụi và tiền lãi cho bà V theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, buộc ông Trần Quốc K, bà Mai Thị L liên đới có trách nhiệm trả cho bà V số tiền vốn lãi là **(1) + (2) = 41.580.000 (năm mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn) đồng (trong đó, vốn gốc hụi: 37.800.000 đồng, tiền lãi 3.780.000 đồng).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về phương thức thanh toán:

Bà Ông Trần Quốc K, bà Mai Thị L yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của bà V chấp nhận. Cho nên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị Thúy V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Quốc K, bà Mai Thị L liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.079.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, về họ, họ, biêu, phườg

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thúy V.

Buộc ông Trần Quốc K, bà Mai Thị L liên đới trả cho bà Phan Thị Thúy V số nợ hụi vốn lãi là **41.580.000 (năm mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn) đồng (trong đó, vốn gốc hụi: 37.800.000 đồng, tiền lãi 3.780.000 đồng).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Ông Trần Quốc K, bà Mai Thị L liên đới chịu 2.079.000 (hai triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị Thúy V, ông Trần Quốc K và bà Mai Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc